

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 10/03/2025

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Việt

Bà Nguyễn Thị Kim Loan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 152/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị **Nguyễn Thị Lan C**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: 4 N, phường I, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh. (*Vắng mặt*)

- ***Bị đơn:*** Anh **Vũ Minh T**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: 7 ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 25/06/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan C trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện, chị C và anh T quen biết nhau một thời gian thì đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 12/5/2014.

Sau khi cưới nhau, hai vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại xã G, lúc đó chị C làm giáo viên trung tâm anh ngữ Thái Bình D tại xã G. Trong thời

gian chung sống, chị C phát hiện anh T nợ nần nhiều người xung quanh. Tất cả chi phí sinh hoạt trong gia đình là chị C đều bỏ ra lo liệu. Anh T không biết chăm lo cho gia đình, ham chơi, không có nghề nghiệp ổn định dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đôi khi anh T còn xúc phạm danh dự của chị C. Do mâu thuẫn gay gắt nên sau khi sinh bé đầu tiên là chị C về nhà bố mẹ ruột sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình sống ly thân, thời gian đầu anh T có đến thăm hỏi con và lâu lâu có lưu trú ở lại. Sau đó, những năm gần đây thì hai vợ chồng đã không còn tình cảm, không thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng và cũng không thể hòa giải đoàn tụ được nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung:

+ Cháu Vũ An N, sinh ngày: 21/11/2016.

+ Cháu Vũ Tuệ N1, sinh ngày: 04/7/2019.

Khi ly hôn chị C yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu An N và Tuệ N1. Chị C không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị C đang làm giáo viên tại trường THCS T1 tại Quận T, thành phố Hồ Chí Minh, lương tháng khoảng 13.000.000 đồng. Ngoài ra, chị C còn dạy thêm tại Trung tâm Anh N2 nên có thêm thu nhập. Trong suốt thời gian sống ly thân, mọi chi phí ăn học và chăm sóc hai con thì chị C đều lo liệu cả, anh T không chu cấp bất kỳ khoản nào.

- Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Vũ Minh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều

227, 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lan C được ly hôn với anh Vũ Minh T.

+ Về con chung: Giao con chung cho chị C trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

+ Về tài sản chung, nợ chung đương sự không có tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Vũ Minh T cư trú tại: 7 ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan C có yêu cầu ly hôn và tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung với bị đơn - anh Vũ Minh T. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

[1.3]. Về tư cách đương sự: Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xác định chị Nguyễn Thị Lan C là nguyên đơn, anh Vũ Minh T là bị đơn.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

- Ngày 24/01/2025, chị C có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, thông báo cho anh T biết thời gian mở lại phiên tòa. Tại phiên tòa, anh T tiếp tục vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lan C và anh Vũ Minh T xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 12/05/2014 đáp ứng

điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên xác định hôn nhân giữa chị C và anh T là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh T, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị C và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị C, anh T về chung sống cùng bên gia đình nhà chồng tại xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Sau khi chị C sinh cháu đầu tiên thì hai mẹ con về nhà ngoại sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, thời gian đầu hai vợ chồng chị C và anh T có thăm hỏi qua lại với nhau. Thực chất, mâu thuẫn đã phát sinh ngay sau khi hai vợ chồng mới cưới nhau. Theo lời khai của chị C thì sau khi hai vợ chồng kết hôn chị C phát hiện anh T bị nợ nần, có người đến tận nhà đòi nợ chị C tại thành phố Hồ Chí Minh. Làm phiền đến cuộc sống của chị C, các con và cả gia đình bên ngoại. Mặt khác, trong quá trình sống ly thân anh T không biết lo lắng, quan tâm đến vợ con, không phụ giúp chị C nuôi dưỡng, chăm sóc con cái.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh T đến tòa tham gia giải quyết, hòa giải đoàn tụ cùng chị C nhưng anh T không hợp tác. Điều đó cho thấy anh T không có thiện chí muốn hòa giải cùng với chị C để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Theo biên bản xác minh ngày 10/01/2025, địa phương cho biết: “ ... *chị C và anh T không còn sống chung cùng nhau ...* ”.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, cho chị C và anh T được ly hôn.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung:

+ Cháu Vũ An N, sinh ngày: 21/11/2016.

+ Cháu Vũ Tuệ N1, sinh ngày: 04/7/2019.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị C yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Vũ An N, sinh ngày: 21/11/2016 và cháu Vũ Tuệ N1, sinh ngày: 04/7/2019. Xét thấy, hiện con chung đang sống cùng với chị C, yêu cầu của chị C cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ, Hội đồng xét xử xét cần giao con chung cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng: Chị C hiện có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc cho con chung. Mặc dù đã được Tòa án giải thích pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng nhưng chị C không yêu cầu nên tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Lan C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lan C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan C.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị Lan C và anh Vũ Minh T được ly hôn.

2. *Về con chung:*

2.1. Giao cháu Vũ An N, sinh ngày: 21/11/2016 và cháu Vũ Tuệ N1, sinh ngày: 04/7/2019 cho chị Nguyễn Thị Lan C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

2.2. Anh Vũ Minh T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về cấp dưỡng: Tạm thời anh Vũ Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị Lan C không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:*

Chị Nguyễn Thị Lan C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0029652 ngày 26 tháng 06 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh. Chị Nguyễn Thị Lan C đã nộp đủ án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H.TN;
- Chi cục THADS Quận Phú Nhuận, TP.HCM;
- UBND xã Gia Tân 1 (51/2014);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết Hạnh